

a) Trình bày thực hiện:

- Hộ gia đình, cá nhân chủ n b đ y đ h s n p t i B p h n t i p n h n và tr k t qu c a y ban nhân dân c p xã trong gi h hành chính;
- y ban nhân dân c p xã t i p n h n h s , ki m tra, n p h s t i T m t c a liên thông (MCLT) thu c B p h n T i p n h n và Tr k t qu y ban nhân dân c p huy n;
- Sau khi nh n k t qu t T MCLT c p huy n, y ban nhân dân c p xã tr k t qu cho cá nhân, h gia đình.

b) Cách thức thực hiện: Trách nhiệm phối hợp của cơ quan hành chính nhà nước.

c) Thành phần, số lượng ng h s :

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đăng ký chấp hành nhậm chức quy định số đăng ký (mẫu số 04/ĐK) của người đi đăng ký;
- + Một trong các loại giấy tờ về quy định số đăng ký quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đãi đãi (các loại giấy tờ có thể tại mức I, II Phụ lục I đính kèm);
- + Văn bản ủy quyền xin chấp hành nhậm chức QSDĐ (nếu có);

+ Hộ sở và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm:

- Tờ khai tiến sử dụng đất (2 bản): mẫu số 01- 05/TSDĐ.
- Tờ khai tiến thuê đất (2 bản): mẫu số 01- 05/TTĐ
- Tờ khai lệ phí trích bõ nhà, đất (2 bản): mẫu số 01- 05/LPTB.
- Tờ khai thu chuyển quyền sử dụng đất (2 bản): mẫu số 01- 05/CQSDĐ.
- Tờ khai xây dựng nhà để tính lệ phí trích bõ (nếu thửa đất có nhà gắn liền với đất, theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 32/2006/QĐ-UB ngày 22/5/2006 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

- Số lượng hồ sơ: 01 (bản)

d) Thời hạn giải quyết: 58 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời cấp huyện: 33 ngày;

- Thời kỳ ban nhân dân cấp xã: 25 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quy hoạch đất đai theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Tài nguyên- Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, Chi cục Thuế.

g) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận quy hoạch sử dụng đất

h) Lệ phí:

- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất:

+ Đất thuộc nội thị trấn: 300.000đ/hộ sở.

+ Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng: 200.000đ/hộ sở.

+ Đất thuộc các xã khu vực miền núi: 100.000đ/hộ sở.

- Lệ phí địa chính: 10.000 đ/trong hợp.

- Lệ phí trích lệ công bản địa chính, văn bản, sổ lưu hồ sơ địa chính: 5.000 đ/người.

i) Tên mẫu đất, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ngho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mẫu số 04/ĐK, Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường).

- Tờ khai tiến sử dụng đất: mẫu số 01- 05/TSDĐ.

- Tờ khai tiến thuê đất: mẫu số 01- 05/TTĐ.

- Tờ khai lệ phí trích c b nhà, đất: mẫu số 01- 05/LPTB.

- Tờ khai thu chuyển quyền sử dụng đất: mẫu số 01- 05/CQSDĐ.

- Tờ khai xây dựng nhà để tính lệ phí trích c b .

k) Yêu cầu, đi u kiện: Không.

l) Căn c pháp lý ch y u:

- Luật Đất đai năm 2003;

- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ ;

- Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thu và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thu ;

- Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính;

- Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ ;

- Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 116/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định chi phí, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất;

- Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh

Hòa ban hành Quy chế thi cử hiện có cho môn toán, các môn toán liên thông giữa quy định thi cử hành chính trong lĩnh vực đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Quy định số 30/2005/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành Quy định hiện có giao đất, đất nông nghiệp; hiện có công nhận đất đai và trình bày hợp thửa đất có vắn tắt cho gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: UBND

.....

Mẫu số 04/ĐK

PHẦN GHI CẢ NGƯỜI

NHÂN HỒ SƠ

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ :

.....Giờphút, ngày...../...../.....

Quyên số, Số thứ tự

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KẾ KHAI CẢ NGƯỜI SỐ DƯỠNG DỤC

*

(Xem hướng dẫn cụ thể ở đây trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đây)

1. Người số dưỡng dục:

1.1. Tên người số dưỡng dục (

viết chữ in hoa

.....

1.2. Địa chỉ (*hộ gia đình, cá nhân*

.....

2. Thưa đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất:

2.1. Thưa đất số :.....; 2.2. Tờ bản đồ số :.....;

2.3. Địa chỉ thửa :.....

2.4. Diện tích:.....m²

+ Số thửa riêng:.....².....m

2.5. Mục đích sử dụng đất:.....; 2.6. Thời hạn sử dụng đất:.....

2.7. Nguồn gốc sử dụng đất:.....

.....

3. Tài sản gắn liền với đất:

3.1. Loại nhà hoặc loại công trình xây dựng:.....;

Diện tích xây dựng (

diện tích chiếm đất

3.2. Cây rừng, cây lâu năm: a) Loại cây:.....; Diện tích có cây:.....

4. Những giấy tờ đi kèm theo

:

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đây là đúng.

.....,

ngày

Người vi phạm

(Ký và ghi rõ họ tên, địa vị và chức phận đóng dấu)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

- Người nhận gốc và thửa

- Tình trạng tranh chấp, khiếu nại và đất đai:.....

- Số phù hợp với quy hoạch sở hữu đất đai:.....

..... Ngày

..... Cán bộ địa chính

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký tên, đóng dấu)

III. KẾT QUẢ THẨM TRA CỦA VĂN PHÒNG

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU NGƯỜI T

.....

.....

.....

Ngày

Người thẩm tra hồ sơ

(Ký, ghi rõ họ, tên)

IV. Ý KI N C A C QUAN TÀI NGUYÊN MÔI TR NG

(Thu c y ban nhân dân c p có th m quy n c p gi y ch ng nh n quy n s d ng đ t)

.....

.....

.....

Ngày

Th tr ng c c

(Ký t

* H ng d n vi t đ n:

- Tên ng i s d ng đ t: đ i v i cá nhân ghi rõ h , tên, năm sinh, s gi y CMND, ngày và n
i
c p
gi y

CMND

; đ

i

v i

ng

i

V t

Nam

đ

nh

c

n

c

ngo

à

i

v

à

c

á

nh

â

n

n

c

ngo

à

i

ghi

h

,

t

ê

n

,

n

ă

m

sinh

,

s

h
ch i u
,
ng
à
y
v
à
n
i
i
c p
h
ch i u
,
qu c
t ch
; đ
i
v i
h
gia
đ i
nh
ghi
ch
“
H
ô
ng
/
b
à”
v
à
ghi
h
,
t
ê
n
,
n
ă
m
sinh

,
s
gi y
CMND

,
ng
à
y
v
à
n
i

c p
gi y
CMND

c a
c
v
v
à
ch ng

ng

i
i
đ
i
đi n

;
tr
ng
ng
h p
quy n

s
d ng
đ

t
l
à
t
à
i

s n
chung
c a

hai
v
ch ng
th
ì
ghi
h
,
t
ê
n
,
n
ă
m
sinh
,
s
gi y
CMND
,
ng
à
y
v
à
n
i
c p
gi y
CMND
c a
v
v
à
c a
ch ng
; đ
i
v i
t
ch c
th
ì
ghi

t
ê
n
t
chợ c
,
ng
à
y
th
á
ng
n
ă
m
th
à
nh
lập
,
s
v
à
ng
à
y
,
c
q
quan
k
ý
quyết
đ
nh
th
à
nh
lập
hợ c
s
giấy
đã
ng
k
ý

kinh
doanh

,

giấy

ph

é

p

đ

u

t

cá a

c

quan

nh

à

n

c

c

ó

thị m

quy n

cá p

.

- Điều 2.5 ghi mục đích sử dụng đất theo quy định như giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng để
ch
s
đăng
đ
t
cá a
c

quan
c
ó
thị m
quy n
cá p
;
tr

;
ng
h p
kh
ô
ng
c
ó
quy t
đ
nh
giao
đ
t
,
cho
thu
ê đ
t
,
chuy n
m c
đí
ch
s
d ng
đ
t
th
ì
ghi
theo
h n
tr ng
đ
ang
s
d ng
;

- Điều m 2.6 ghi th i h n s d ng đ t theo quy t đ nh giao đ t, cho thuê đ t c a c quan nhà
n
c

c
ó
th m
quy n
(
n u
c
ó).
Tr
ng
ng
h p
s
d ng
đ
t
c
ó
th i
h n
ph i
ghi
r
õ “
ng
à
y
th
á
ng
n
ă
m
”
h t
h n
s
d ng
,
n u
s
d ng
n
đ
nh
l

â
u
d
à
i
th
ì
ghi
“
L
â
u
d
à
i
”,
;

- Điều 2.7 ghi nguôn gốc số đóng đất như sau: nưư đưư c Nhà nưư c giao đưư t có thu tì n số d
ng
đ
t
th
ì
ghi
“Đ
t
giao
c
ó
thu
tì n
”,
nưư
kh
ô
ng
thu
tì n
th
ì
ghi
“Đ
t
giao

kh
ô
ng
thu
tĩ n
”
n u
đ
c
Nh
à
n
c
cho
thu
ê đ
t
th
ì
ghi
“Đ
t
thu
ê
tr
tĩ n
h
à
ng
n
ă
m
”
ho c
”Đ
t
thu
ê
tr
tĩ n
m t
n
”
tr
c

ng
h
nh
chuy
đ
i
,
nh
chuy
nh

ng
, đ
c
th
k
, đ
c
t
cho
ho
ngu
g
kh
á
c
th
ì
ghi
c
th
ngu
g
đó
v
à
th
đ
m
b
đ
u
s
d
đ
t

M u s 01-05/TSDĐ

C NG HÒA XÃ H I
CH NGHĨA VI T NAM

Đ c l p - T do - H nh phúc

T KHAI TI N S D NG Đ T

1. Tên t ch c, cá nh n s d ng đ t (SDĐ):

Đ a ch g i thông báo n p ti n SDĐ:

Đi n tho i liên h (n u
có):.....

2. Gi y t v quy n SDĐ (quy đ nh t i các kho n 1, 2 và 5 đi u 50
Lu t Đ t đ i), g m:

.....
.....
3. Địa điểm thửa đất.....

3.1. Địa điểm (địa
ch):.....

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:.....

3.5. Thời điểm thực hiện quy hoạch đất: Ngày tháng năm

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:

4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m²):

4.1. Đất tại nông thôn:

a. Trong h₁ n m₁ c công nh₁ n đ₁ t₁ :

b. Trên h^on m^oc công nh^on đ^ot :

4.2. Đếm số tài liệu đô thị :

a. Di n tích s  d ng ri ng:

b. Di n tích s d ng chung:

4.3. Di n t ch đ t s n xu t kinh doanh, d ch v  :

4.4. Di  n tích đ  t s  n xu  t n  ng nghi  p, l  m nghi  p, nu  i tr  ng th  y s  n, l  m mu  i:

5. Các khoản nợ phải ghi m tr ti n SĐĐ ho c đ i t ng đ i c mi n, ghi m ti n SĐĐ (n u có):

5.1. Sđ tđ n thđ cđ bđ i thđ đ ng thđ t hđ i, hđ trđ vđ đđ tđ:

5.2. Số tiền số đang nợ, thuê nợ đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miền, giám thị n số đăng đt (ghi rõ thu c tr ng h p nào quy đ nh t i đi u 12 và đi u 13 Ngh đ nh s 198/2004/NĐ-CP c a Chính ph):

6. Gi y t ch ng minh thu c đ i t ng đ c mi n, gi m (ho c gi m tr) ti n s d ng đ t
(n u b n sao thì ph i có công ch ng) và các ch ng t v chi phí b i th ng đ t, h tr
đ t, ch ng t v ti n s d ng đ t, ti n thuê đ t đã n p tr c

.....
...

.....
.....

Tôi cam đoan n i dung kê khai trên đây là đúng s th t./.

Ngày tháng

NGƯỜI KÊ KHAI

Ký tên, ghi rõ h tên, đóng d u (n u là t ch c)

Mẫu số 01-05/TTĐ

CHUNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT

1. Tên chủ cơ, hộ gia đình, cá nhân thuê đất:.....

1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền thuê
đất:.....

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ (nếu có):.....

1.3. Ngành nghề kinh
doanh:.....

.....

.....

2. Văn b n cho thuê đ t, chuy n t giao đ t sang cho thuê đ t, gia h n cho thuê đ t:

2.1. Quy t đ nh s :..... ngày..... tháng..... năm.....
c a.....

2.2. H p đ ng thuê đ t s :..... ngày..... tháng..... năm.....

3. Đ c đi m th a đ t thuê.....
.

3.1. Đ a đi m (đ a
ch):.....

3.2. V trí th a đ t (m t t n đ ng ph hay ngõ, h m):

3.3. M c đích s d ng đ t thuê:.....

3.4. Di n
tích:.....

3.5. Th i đi m thuê đ t (bàn giao s
d ng):.....

4. Di n tích n p t n thuê đ t (m²):

4.1. **Đồ t s n xu t kinh doanh phi nông nghi p:**.....

4.2. Dự t xây dựng nhà , c s h t ng đ cho thuê:.....

4.3. Dự t xây d'ng khu công nghi'p, c' m công nghi'p, làng ngh' :

4.4. Đầu tư dòng vào mục đích sản xuất nông nghiệp:.....

5. Thời gian thuê đất.....

6. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc được miễn, giảm tiền SDD (nếu có):

6.1. Sī tīn thāc tī bī thāng, hā trā vā
dā t:

6.2. Số tiền sẽ được trả đã nộp trước (nếu có):

6.3. Địa điểm ng đổ c mi n, gi m ti n thuê đ t (lý do đ c mi n, gi m).....

.....

7. Hình th c n p t i n thuê đ t:

7.1. N p m t l n cho c th i gian

thuê:.....

7.2. N p hàng

năm:.....

8. H s , ch ng t kèm theo ch ng minh thu c đ i t ng đ c tr ho c mi n, gi m t i n
thuê đ t (n u b n sao thì ph i có công ch ng nhà n c):

.....
.....

Tôi cam đoan vi c kê khai trên là đúng s th t./.

Ngày

.....

tháng

NG I KÊ KHAI

Ký tên, ghi rõ h tên, đóng d u (n u là t ch c)

Mẫu số 01-05/CQSDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI THU CHUYỂN QUYỀN SỐ ĐÓNG ĐẤT

(Áp dụng đối với tổ chức không kinh doanh; hộ gia đình, cá nhân)

1. Tên tổ chức, cá nhân chuyển quyền số đóng đất:.....

.....

Địa chỉ :.....

.....

2. Tên tổ chức, cá nhân nhận quyên số đóng đất.....

.....

Địa chỉ :.....

.....

3. Họ, tên người kê khai nộp thuế chuyển quyền số đóng đất.....

3.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền:.....

.....

3.2. Địa chỉ liên hệ (nếu có).....

.....

4. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm tại:.....

ngày.....tháng.....năm.....và đã được Công chứng công nhận hoặc UBND xã
(phòng, thị trấn) công nhận
ngày.....tháng.....năm.....

5. Các giấy tờ về quyền sử dụng đất (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai):

.....
.....

6. Đặc điểm thửa đất chuyển nhượng sử dụng

6.1. Địa chỉ thửa đất:.....

6.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

6.3. Loại đất:.....

6.4. Diện tích (m²):.....

6.5. Giá trị đất chuyển nhượng sử dụng (đồng):.....

7. Các gi y t ch ng minh quy n s d ng đ t h p pháp ho c thu c đ i t ng mi n, gi m
thu CQSDĐ kèm theo, g m:

.....

.....

.....

Tôi cam đoan n i dung kê khai trên đây là đúng s th t./.

□

Ngày tháng

NG I KHAI

Ký tên, ghi rõ h tên, đóng d u (n u là t ch c)

□

M u s 01-05/LPTB

C NG HÒA XÃ H I CH NGHĨA VI T NAM

Đ c l p - T do - H nh phúc

T KHAI L PHÍ TR C B NHÀ Đ T

I. TÊN CH S H U, S D NG NHÀ Đ T:.....

1. Đ a ch g i thông báo n p ti n
LPTB:.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đi n tho i liên h (n u có):

II. ĐỒ CẪM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:.....
..

1.1 Địa chỉ thửa đất:

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ,
hẻm):.....

1.3. Mục đích sử dụng đất:
.....

1.4. Diện tích (m²):.....

1.5. Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, nhận tặng cho):
.....

a) Tên chủ, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:
.....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....

1.6. Giá trị đất thổ cư chuyển giao (nếu có):.....

2. Nhà:

2.1. Công nhà:..... Loại nhà:

2.2. Diện tích nhà (m^2 sàn xây dựng).....

2.3. Nguồn gốc nhà:

.....

a) Tự xây

dùng:.....

Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng
nhà):.....

b) Mua, thuê lại, cho,

trung:.....

Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: ngày... tháng... năm.....

2.4. Giá trị nhà

(dùng):.....

3. Tổng giá trị nhà, đất thổ cư nhận chuyển nhượng, nhận thuê lại, nhận trung cho (dùng):

...

4. Tài sản thu được của không phải là phí trước bạ (lý do):

5. Gi¶ y t¶ có liên quan, g¶ m:

.....

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đây là đúng sđ thđ t./.

1

.....
 g..... năm..... Ngày/tháng.....

CHỈ TÀI SẴN

Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI XÂY DỰNG NHÀ ĐẤT TÍNH LƯU PHÍ TRƯỚC C B

1- Họ tên chủ sở hữu nhà:

2- Địa chỉ cư trú:
.....

3- Khai căn nhà xây dựng tại:.....

3.1- Phần kê khai nhà cấp 4:

Nhà..... tầng; **Tường**: gạch dày 100 – 200 mm, vữa; **Cửa**: ; **Mái**:.....

Mặt tiền nhà ốp lát: có , không ; **Hệ thống thiết bị vệ sinh**: toilet , bình đun nóng ;

Trần nhà: có , không ; **Trần BTCT**: có , không: "

3.2- Nhà..... tầng, tầng dày 100-200, sàn: , nền:..... , mái:.....

3.3- Nhà..... tầng, tầng dày 100-200, sàn: , nền:..... , mái:.....

3.4- Nhà..... tầng, tầng dày 100-200, sàn: , nền:..... , mái:.....

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật.

Nha Trang, ngày..... tháng..... năm 200.....

Người kê khai (ký và ghi rõ họ tên)

□

PHẦN KIỂM TRA CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QSD ĐẤT

□

Tôi tên: _____ là CBCC thi lý, kiểm tra xác định:

Tổng diện tích đất:..... m² (trong đó có: _____ m² thuộc khu quy hoạch phải thu hồi
đất – _____
Diện tích sử dụng chung
: _____ m
2 _____
Loại đất: _____) d

Diện tích xây dựng:..... m²; **Diện tích sàn:**..... m².

1/ Cấu trúc nhà xây dựng:

+ Nhà: 01 tầng; Tường: gạch “, vữa “; **Cửa:** gỗ “, sắt “, nhôm “; **Mái:**..... ;

Một tầng nhà BTCT: có “, không “; **Đất lát:** có “, không “; **Hệ thống thoát nước**
sinh : tự “ bình thường “; **Diện**
 tích xây dựng

: m
2

;
Chức năng
:..... %.

Nếu nhà tạm thì ghi rõ nhà tạm:....., diện tích:..... m².

+ Nhà:..... tầng, sàn:....., mái:....., DT sàn:..... m², chức năng:..... %.

+ Nhà:..... tầng, sàn:....., mái:....., DT sàn:..... m², chức năng:..... %.

+ Nhà:..... tầng, sàn:....., mái:....., DT sàn:..... m², chức năng:..... %.

2/ Đất: Thuộc đơn vị quản lý:....., vị trí:....., hồ sơ:....., hồ sơ tiếp giáp:.....

3/ Hồ sơ Kmd: Diện tích:..... m², hồ sơ:; Diện tích:....., hồ sơ: 0,9;

Diện tích:..... m², hồ sơ "0,7.

Tôi đã kiểm tra xác định và chịu trách nhiệm về nội dung nói trên là đúng./.

Cán bộ kiểm tra (ký và ghi rõ họ tên)

□

